

TÍNH KHOA HỌC CỦA VIỆC XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH MỘT SỐ MÔN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY

NGÔ ĐÌNH QUA* VÀ NHÓM NGHIÊN CỨU

TÓM TẮT

Việc xây dựng chương trình nghiệp vụ sư phạm của Trường Đại học Sư phạm cần đảm bảo nguyên tắc khoa học. Kết quả khảo sát tính khoa học của việc xây dựng chương trình một số môn nghiệp vụ sư phạm tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSPTHCM) là một cơ sở thực tiễn mà các tác giả biên soạn chương trình môn học cần lưu ý xem xét, để vận dụng vào việc biên soạn chương trình các môn học theo hình thức đào tạo theo tín chỉ.

ABSTRACT

Scientific characteristics of developing some syllabi of pedagogical professional at Ho Chi Minh City University of Education

Development of syllabi in pedagogical professional at HCM City University of Education requires the scientific principles. The results of the survey on the scientific characteristics of the development of syllabi in professional training at HCM City University of Education show requirements for syllabus designers to consider when writing the syllabi for the credit-based system.

Để đảm bảo tính khoa học, việc xây dựng chương trình các môn học phải dựa trên các nguyên tắc, nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục, đào tạo của nhà trường, mục tiêu học tập của môn học. Những nguyên tắc đó bao gồm:

Thứ nhất, nội dung dạy học phải bám sát mục đích của nền giáo dục nước ta và mục tiêu đào tạo của Trường ĐHSPTHCM hiện nay.

Thứ hai, nội dung dạy học phải gắn liền với thực tiễn cuộc sống, tính đến nhu cầu của xã hội, năng lực, nguyện vọng của người học đồng thời phải đảm bảo tính liên thông, liên kết giữa các môn học, giữa giáo dục phổ thông với giáo

dục nghề nghiệp.

Thứ ba, nội dung dạy học phải đảm bảo học đi đôi với hành.

Thứ tư, nội dung dạy học phải đảm bảo tính toàn diện, cân đối của giáo dục, trong đó phải đặt việc giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức lên hàng đầu.

Thứ năm, nội dung dạy học phải đảm bảo cung cấp cho người học hệ thống tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và phát triển năng lực hoạt động trí tuệ [2], [3].

Dựa trên những nguyên tắc này, ở nước ta các nhà xây dựng chương trình xác định chương trình giáo dục khung chuẩn mực cấp quốc gia là một phức hợp gồm bốn bộ phận cấu thành:

- Mục tiêu giáo dục môn học (chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt của

* TS, Khoa Tâm lý Giáo dục
Trường Đại học Sư phạm TP HCM

người học);

- Cấu trúc nội dung môn học (số lượng, phạm vi, mức độ nội dung môn học);

- Các phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức học tập môn học;

- Định hướng kiểm tra, đánh giá môn học [1].

Dựa vào cơ sở lý luận trên, nhóm nghiên cứu đã soạn thảo công cụ khảo sát tính khoa học của việc xây dựng chương trình một số môn nghiệp vụ sư phạm tại Trường ĐHSPTP HCM và thu được kết quả như sau:

1. Sự phù hợp của chương trình với nguyên tắc thứ nhất

Nhóm nghiên cứu sử dụng thang đánh giá mức độ phù hợp của chương trình các môn Giáo dục học, Tâm lý học, Phương pháp giảng dạy (PPGD) Ngữ văn, PPGD Toán, PPGD Tiếng Anh, PPGD Địa lý, PPGD Giáo dục tiểu học (GDTH) với mục tiêu đào tạo của Trường ĐHSPTP HCM hiện nay với 4 mức điểm: 0: hoàn toàn không phù hợp; 1: không phù hợp; 2: phù hợp; 3: rất phù hợp để đề nghị một mẫu gồm 1049 sinh viên và 35 giáo viên của các khoa Toán-Tin, Ngữ văn, Địa lý, Anh văn, Giáo dục tiểu học trả lời. Kết quả tính toán thống kê được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Đánh giá của sinh viên về mức độ phù hợp của chương trình các môn nghiệp vụ sư phạm với mục tiêu đào tạo

Môn học	Số sinh viên tham gia đánh giá	Điểm trung bình đánh giá mức độ phù hợp	Thứ hạng	Trung vị
Tâm lý học	274	1.97	5	2.00
Giáo dục học	235	2.00	4	2.00
PPGD Tiếng Anh	103	2.12	2	2.00
PPGD Địa lý	100	2.36	1	2.40
PPGD Ngữ văn	121	1.89	6	2.00
PPGD GDTH	78	2.12	2	2.00
PPGD Toán - Tin	138	1.80	7	1.80
Tổng	1049	2.01		2.00

Điểm trung bình đánh giá mức độ phù hợp của chương trình các môn nghiệp vụ sư phạm với mục tiêu đào tạo của Trường ĐHSPTP HCM dao động xung quanh điểm 2 (mức điểm: phù hợp). Nếu căn cứ vào điểm trung bình này, ta có thể nói rằng *chương trình các môn*

nghiệp vụ sư phạm được sinh viên đánh giá là phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường ĐHSPTP HCM. Sử dụng phép kiểm nghiệm trung bình của nhiều mẫu độc lập (kiểm nghiệm ANOVA) đối với các trung bình nói trên, nhóm nghiên cứu có được kết quả: Có sự khác biệt ý nghĩa

giữa các điểm trung bình nói trên. Điều này cho thấy sự đánh giá của sinh viên các khoa về chương trình các môn nghiệp vụ sư phạm không phải là sự đánh giá một cách ngẫu nhiên, thiếu suy nghĩ mà là sự đánh giá có cân nhắc. Điều làm nên sự khác biệt có ý nghĩa này là điểm trung bình đánh giá của sinh viên Khoa Địa lý cao nhất và điểm trung bình đánh giá của sinh viên Khoa Toán - Tin thấp nhất. Tuy nhiên, nếu chỉ dựa vào số trung bình thì vấn đề chưa được sáng tỏ. Vì vậy cần xét đến điểm trung vị.

Điểm trung vị bằng 2, có nghĩa là có 50% số sinh viên đánh giá từ mức 2 điểm trở lên và cũng có 50% số sinh viên được hỏi có điểm đánh giá từ 2 trở xuống. Như vậy ta có thể suy ra được rằng có hơn 50% số sinh viên được hỏi

cho rằng chương trình các môn nghiệp vụ sư phạm “phù hợp” và “rất phù hợp” với mục tiêu đào tạo của nhà trường.

Điểm trung bình đánh giá mức độ phù hợp của chương trình các môn nghiệp vụ sư phạm với mục tiêu đào tạo của Trường ĐHSPTHCM của mẫu 35 giáo viên là 2.54. Kiểm nghiệm t cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa giữa điểm trung bình đánh giá của giáo viên và sinh viên: *Giáo viên đánh giá mức độ phù hợp cao hơn sinh viên.*

Cộng tỉ lệ phần trăm sinh viên chọn mức “phù hợp” và “rất phù hợp” khi họ được đề nghị đánh giá về mức độ phù hợp của chương trình các môn nghiệp vụ sư phạm với mục tiêu đào tạo của Trường ĐHSPTHCM, ta được kết quả trình bày ở bảng 2.

Bảng 2. Đánh giá của sinh viên về chương trình các môn nghiệp vụ sư phạm

Môn học	Số SV được hỏi	Tỉ lệ % (1)	Thứ hạng
Tâm lý học	274	81,4%	4
Giáo dục học	235	80%	5
PPGD Tiếng Anh	103	84%	2
PPGD Địa lý	100	93%	1
PPGD Ngữ văn	121	78%	6
PPGD GDTH	78	84%	2
PPGD Toán - Tin	138	69%	7
Tổng	1049		

(1) Tỉ lệ % sinh viên chọn mức “phù hợp” và “rất phù hợp”

Kết quả xếp hạng ở bảng 2 cũng tương đồng với bảng 1. Ngoài ra, tỉ lệ phần trăm sinh viên chọn mức “phù hợp” và “rất phù hợp” đối với các chương trình đều đạt từ 69% trở lên.

Kết quả phỏng vấn cho thấy đa số sinh viên được hỏi cho rằng chương trình các môn nghiệp vụ sư phạm phù hợp với mục tiêu đào tạo giáo viên của Trường ĐHSPTHCM.

2. Sự phù hợp của chương trình với nguyên tắc thứ hai

Dùng thang đo mức độ phù hợp nói trên để khảo sát trên 1049 sinh viên và 35 giáo viên về ý kiến đánh giá sự phù hợp của chương trình các môn nghiệp vụ sư

phạm so với yêu cầu của nguyên tắc thứ hai chúng tôi thu được kết quả và trình bày ở bảng 3.

Bảng 3. Đánh giá của sinh viên về mức độ phù hợp của các chương trình đối với các yêu cầu của nguyên tắc thứ hai

Môn học	Điểm trung bình đánh giá theo yêu cầu (1)(NL-NV)	Điểm trung bình đánh giá theo yêu cầu (2)	Điểm trung bình đánh giá theo yêu cầu (3)
Tâm lý học	1.99	1.85	2.14
Giáo dục học	2.01	1.89	2.08
PPGD Tiếng Anh	1.83	1.72	2.20
PPGD Địa lý	2.34	2.32	1.94
PPGD Ngữ văn	2.00	1.62	2.20
PPGD GDTH	2.12	1.95	1.95
PPGD Toán - Tin	1.87	1.69	2.17
Tổng quát	TB=2.01; TV= 2	TB=1.85;TV=2	TB=2.11; TV = 2.2

- *Yêu cầu (1): Sự phù hợp giữa nội dung chương trình với năng lực, nguyện vọng của sinh viên*

- *Yêu cầu (2): Sự phù hợp giữa nội dung chương trình với thực tiễn nước ta.*

- *Yêu cầu (3): Nội dung đảm bảo liên kết chương trình trung học phổ thông và không trùng lặp các môn nghiệp vụ sư phạm khác.*

Về sự phù hợp của nội dung chương trình các môn nghiệp vụ sư phạm với năng lực và nguyện vọng của sinh viên, nếu xét một cách tổng quát thì *sinh viên đánh giá nội dung chương trình các môn nghiệp vụ sư phạm phù hợp với năng lực và nguyện vọng của họ*. Sự đánh giá đó là sự đánh giá có suy nghĩ, cân nhắc vì phép kiểm nghiệm ANOVA đã cho thấy như vậy.

Về sự phù hợp của nội dung chương trình các môn nghiệp vụ sư phạm với thực tiễn nước ta, nếu xét một cách tổng quát thì *sinh viên đánh giá nội dung chương trình các môn nghiệp vụ sư phạm ít phù hợp với thực tiễn nước ta* (điểm đánh giá: $1.85 < 2$). Tương tự như trên, sự đánh giá đó là sự đánh giá có suy nghĩ, cân nhắc vì phép kiểm nghiệm ANOVA đã cho thấy như vậy.

Như vậy, đối với yêu cầu (1) và (2), chương trình môn PPGD Địa lý và môn PPGD GDTH có điểm trung bình cao, chiếm thứ hạng cao.

Về việc đảm bảo tính liên kết của nội dung chương trình các môn nghiệp vụ sư phạm với chương trình trung học phổ thông và không trùng lặp giữa các môn nghiệp vụ sư phạm, nếu xét một cách

tổng quát thì sinh viên đánh giá nội dung chương trình các môn nghiệp vụ sư phạm đảm bảo tính liên kết và không trùng lặp với các môn học khác. Tuy nhiên, sự đánh giá này có khác biệt ý nghĩa giữa các môn học. Có điểm trung bình cao nhất là môn PPGD Tiếng Anh và PPGD Ngữ văn, kế đến là môn PPGD Toán - Tin.

Để có thể nhìn vấn đề được rõ hơn cần xét đến số trung vị. Thang đo mức độ phù hợp có 4 mức: 0: Hoàn toàn không phù hợp, 1: Không phù hợp, 2: phù hợp, 3: rất phù hợp.

Phần đánh giá mức độ phù hợp của chương trình đối với năng lực, nguyện vọng của sinh viên có điểm trung vị bằng 2, có nghĩa là có hơn 50% sinh viên thừa nhận rằng chương trình phù hợp và rất

phù hợp với năng lực và nguyện vọng của sinh viên.

Phần đánh giá sự phù hợp của chương trình với thực tiễn nước ta, tính liên kết của chương trình các môn nghiệp vụ sư phạm với chương trình trung học phổ thông cũng có kết quả tương tự.

Kết quả khảo sát của mẫu 35 giáo viên cho thấy điểm trung bình đánh giá của giáo viên theo yêu cầu (1) và (2) cao hơn một cách có ý nghĩa so với sinh viên. Riêng điểm trung bình đánh giá của giáo viên theo yêu cầu (3) không có sự khác biệt ý nghĩa so với điểm trung bình đánh giá của sinh viên (2.19 và 2.11)

Nếu cộng tỉ lệ phần trăm sinh viên chọn hai mức “phù hợp” và “rất phù hợp” ở các yêu cầu của nguyên tắc 2, ta có được kết quả trình bày ở bảng 4.

Bảng 4. Tỉ lệ phần trăm sinh viên chọn hai mức “có phù hợp” và “rất phù hợp” ở các yêu cầu của nguyên tắc 2.

Môn học	Tỉ lệ phần trăm (1)	Tỉ lệ phần trăm (2)
Tâm lý học	81%- 75%	70%
Giáo dục học	83%- 80%	68%
PPGD Tiếng Anh	72%- 68%	63%
PPGD Địa lý	88%- 88%	95%
PPGD Ngữ văn	83% - 66%	54%
PPGD GDTH	78% - 78%	69%
PPGD Toán - Tin	80%-65%	58%

- (1): Tỉ lệ phần trăm SV đánh giá theo yêu cầu 1: NL-NV

- (2): Tỉ lệ phần trăm SV đánh giá theo yêu cầu 2.

Kết quả trên cho thấy môn PPGD Địa lý có tỉ lệ phần trăm sinh viên chọn

mức “phù hợp” và “rất phù hợp” cao nhất ở các yêu cầu (1), (2).

Kết quả phỏng vấn một số sinh viên Khoa Toán - Tin cho biết chương trình các môn nghiệp vụ sư phạm phù hợp với trình độ của họ.

3. Sự phù hợp của chương trình với nguyên tắc thứ ba

Nhóm nghiên cứu sử dụng thang thái độ để đo lường việc tuân thủ nguyên tắc 3 của chương trình các môn nghiệp

vụ sư phạm thông qua việc sinh viên và giáo viên lựa chọn một trong 5 thái độ ở mỗi phát biểu của thang đo. Kết quả xử lý thống kê được trình bày ở bảng 5.

Bảng 5. Điểm trung bình thái độ của sinh viên đối với việc tuân thủ nguyên tắc thứ 3 của việc biên soạn chương trình các môn nghiệp vụ sư phạm

Môn học	Số SV được hỏi	Điểm trung bình thái độ	Thứ hạng	Trung vị
Tâm lý học	274	2.23	5	2.50
Giáo dục học	235	2.24	4	2.50
PPGD Tiếng Anh	103	2.41	3	2.50
PPGD Địa lý	100	2.56	1	2.50
PPGD Ngữ Văn	121	2.22	6	2.50
PPGD GDTH	78	2.45	2	2.50
PPGD Toán Tin	138	2.11	7	2.00
Tổng	1049	2.28		2.50

Thang thái độ gồm 5 mức từ thấp lên cao: 0: hoàn toàn không đồng ý, 1: không đồng ý, 2: lưỡng lự, 3: đồng ý, 4: hoàn toàn đồng ý. Ở câu phát biểu tiêu cực, nếu người trả lời chọn ô “hoàn toàn không đồng ý” thì người nghiên cứu sẽ cho 4 điểm; nếu người trả lời chọn “hoàn toàn đồng ý”, người nghiên cứu sẽ cho không (0) điểm khi xử lý số liệu. Ở câu phát biểu tích cực, nếu người trả lời chọn ô “hoàn toàn không đồng ý” thì người nghiên cứu sẽ cho 0 điểm; nếu người trả lời chọn “hoàn toàn đồng ý”, người nghiên cứu sẽ cho 4 điểm.

Kết quả thống kê ở bảng trên cho thấy điểm trung bình thái độ của sinh viên đạt mức trên điểm 2 (lưỡng lự). Điều này cho ta thấy tuyệt đại đa số họ chưa thừa nhận chương trình các môn nghiệp vụ sư phạm đảm bảo “học đi đôi với hành”

Điểm trung vị bằng 2.5 có nghĩa là: có 50% số sinh viên được hỏi đồng ý và hoàn toàn đồng ý rằng nội dung của các chương trình nghiệp vụ sư phạm đảm bảo học đi đôi với hành, 50% còn lại thuộc các thái độ hoàn toàn không đồng ý, không đồng ý và lưỡng lự. Nếu không tính đến số người có thái độ lưỡng lự, thì tỉ lệ phần trăm số sinh viên có thái độ đồng ý và hoàn toàn đồng ý rằng nội dung của các chương trình nghiệp vụ sư phạm đảm bảo học đi đôi với hành cao hơn tỉ lệ phần trăm số sinh viên chọn thái độ hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý với nội dung trên.

Kiểm nghiệm ANOVA về sự khác biệt ý nghĩa giữa các điểm trung bình thái độ của sinh viên đối với việc tuân thủ nguyên tắc 3: “Nội dung đảm bảo học đi đôi với hành” của chương trình các môn nghiệp vụ sư phạm cho thấy có sự khác

biệt ý nghĩa giữa các điểm trung bình nói trên, chứng tỏ việc trả lời của sinh viên có suy nghĩ, cân nhắc.

Điểm trung bình thái độ của giáo viên đối với việc tuân thủ nguyên tắc 3: “Nội dung đảm bảo học đi đôi với hành” của chương trình các môn nghiệp vụ sư phạm tính được là 3.03 cao hơn một cách có ý nghĩa so với điểm trung bình thái độ

của sinh viên (2.28). Đa số giáo viên “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý” rằng “Nội dung đảm bảo học đi đôi với hành”.

Cộng tỉ lệ phần trăm sinh viên chọn 2 mức thái độ “không đồng ý” và “hoàn toàn không đồng ý” đối với câu phát biểu: “Nội dung chương trình không đảm bảo nguyên tắc học đi đôi với hành”, ta có được kết quả trình bày ở bảng 6.

Bảng 6. Thái độ của sinh viên đối với việc tuân thủ nguyên tắc thứ ba của việc biên soạn chương trình các môn nghiệp vụ sư phạm

Môn học	Số SV được hỏi	Tỉ lệ % sinh viên chọn	Thứ hạng
Tâm lý học	274	40%	6
Giáo dục học	235	43%	5
PPGD Tiếng Anh	103	50%	4
PPGD Địa lý	100	59%	1
PPGD Ngữ văn	121	52%	2
PPGD GDTH	78	52%	2
PPGD Toán - Tin	138	33%	7
Tổng	1049		

Môn PPGD Địa lý vẫn là môn có điểm trung bình và tỉ lệ phần trăm sinh viên có thái độ đánh giá tích cực đối với việc tuân thủ nguyên tắc 3 của chương trình môn học. Các môn nghiệp vụ sư phạm khác có điểm trung bình và tỉ lệ phần trăm thấp hơn một cách có ý nghĩa về mặt thống kê.

Để làm sáng tỏ nguyên nhân của hiện tượng này, chúng tôi so sánh chương trình môn nghiệp vụ sư phạm có điểm trung bình cao nhất với chương trình môn nghiệp vụ sư phạm có điểm trung bình thấp nhất về tương quan giữa lý thuyết và thực hành. Ở chương trình môn nghiệp vụ sư phạm có điểm trung bình cao nhất

(PPGD Địa lý), các tác giả biên soạn đã chia thành 2 phần: Lý thuyết và thực hành còn chương trình môn PPGD Toán – Tin chỉ có phần lý thuyết. Hơn nữa, phần thực hành của chương trình môn PPGD Địa lý hướng dẫn những công việc cụ thể cho sinh viên trong giảng dạy như soạn giáo án, soạn đề thi và đáp án,... Có lẽ nhờ đó mà chương trình môn PPGD Địa lý được sinh viên đánh giá cao về mặt “nội dung chương trình đảm bảo học đi đôi với hành”.

Tóm lại, có nhiều nguyên tắc chỉ đạo việc xây dựng chương trình các môn học, nhưng với điều kiện thời gian hạn hẹp, nhóm nghiên cứu chỉ khảo sát được

sự phù hợp của chương trình một số môn nghiệp vụ sư phạm với ba nguyên tắc đầu. Sử dụng phương pháp phỏng vấn và điều tra viết trên 1049 sinh viên và 35 giảng viên, kết quả nghiên cứu cho thấy rằng chương trình các môn Tâm lý học, Giáo dục học, PPGD Ngữ văn, PPGD Tiếng Anh, PPGD Địa lý, PPGD Toán - Tin và PPGD GDTH phù hợp với các nguyên tắc trên; trong đó chương trình

môn PPGD Địa lý được đánh giá có mức độ phù hợp cao nhất. Kết quả này là một cơ sở thực tiễn mà các tác giả biên soạn chương trình môn học cần lưu ý xem xét để vận dụng vào việc biên soạn chương trình các môn học nói chung cũng như các môn nghiệp vụ sư phạm nói riêng theo yêu cầu của chương trình môn học theo hình thức đào tạo theo tín chỉ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Hương, Nguyễn Thị Bích Hạnh, Hồ Văn Liên, Ngô Đình Qua (2009), *Giáo trình Giáo dục học đại cương*, Đại học Sư phạm TP HCM.
2. Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt (1985), *Giáo dục học* tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2006), *Luật Giáo dục*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

MỘT SỐ PHẨM CHẤT CỦA GIẢNG VIÊN ...

(Tiếp theo trang 8)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Richard I. Arends (1994), *Learning to teach*, New York: McGraw-Hill, Inc.
2. Charlotte Danielson, et al.(2000), *Teacher Evaluation*, New Jersey: Educational Testing Service.
3. Đoàn Văn Điều (2010), “Đánh giá của sinh viên ngoài sư phạm về phẩm chất trong giảng dạy của giảng viên”, *Tạp chí Khoa học chuyên đề giáo dục*, 19 (53).
4. Ph. N Gônôbôlin (1979), *Những phẩm chất tâm lý của người giáo viên*, Nxb Giáo dục, tập 1 &2.
5. Phạm Minh Hạc (1992), *Một số vấn đề Tâm lý học* Nxb Giáo dục.
6. Allan C. Ornstein et al. (1989), *Foundations of Education*, Boston: Houghton Mifflin Company, pp. 495.